

Phụ lục 2

Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thành phố Huế

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

| DVT: Triệu đồng. |                                                                                                                                          |                   |                     |                                                                                                                                                               |                                                                       |                                                                                                    |           |                                          |                |                                                     |                                                   |           |                                          |                     |                                                  |                   |           |                                          |                     |                                                                              |                                                                                                                                                    |                                                                         |         |                                                  |                             |
|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------|------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------|-------------------|-----------|------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------|-----------------------------|
| STT              | Danh mục dự án                                                                                                                           | Địa điểm xây dựng | Thời gian thực hiện | Năng lực thiết kế                                                                                                                                             | Số QĐ, ngày phê duyệt                                                 | Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 26/01/2024 của HĐND tỉnh |           |                                          |                |                                                     | Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh |           |                                          |                     |                                                  | Tăng (+)/Giảm (-) |           |                                          |                     | Phân NSTP còn lại theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua đầu kỳ | Phân NSTP còn lại theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh thêm phân ngân sách huyện trước khi thực hiện sắp xếp chỉnh quyền địa phương 02 cấp | Phân NSTP cần bổ sung thêm theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh | Ghi chú |                                                  |                             |
|                  |                                                                                                                                          |                   |                     |                                                                                                                                                               |                                                                       | Tổng cộng                                                                                          | Trong đó: |                                          |                |                                                     | Tổng cộng                                         | Trong đó: |                                          |                     |                                                  | Tổng cộng         | Trong đó: |                                          |                     |                                                                              |                                                                                                                                                    |                                                                         |         |                                                  |                             |
|                  |                                                                                                                                          |                   |                     |                                                                                                                                                               |                                                                       |                                                                                                    | NSTW      | NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác |                |                                                     |                                                   | NSTW      | NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác |                     |                                                  |                   | NSTW      | NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác |                     |                                                                              |                                                                                                                                                    |                                                                         |         |                                                  |                             |
|                  |                                                                                                                                          |                   |                     |                                                                                                                                                               |                                                                       |                                                                                                    |           | Tổng cộng                                | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện, nhân dân đóng góp và huy động khác |                                                   |           | Tổng cộng                                | Ngân sách thành phố | Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và huy động khác |                   |           | Tổng cộng                                | Ngân sách thành phố |                                                                              |                                                                                                                                                    |                                                                         |         | Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và huy động khác |                             |
|                  | Tổng cộng                                                                                                                                |                   |                     |                                                                                                                                                               |                                                                       |                                                                                                    |           |                                          |                |                                                     |                                                   |           |                                          |                     |                                                  |                   |           |                                          |                     |                                                                              |                                                                                                                                                    |                                                                         |         |                                                  |                             |
| 1                | Gia cố, nâng cấp kết hợp giao thông các tuyến đê bao nội đồng Tràm bom tiêu Đông Lâm, xã Quảng Vinh                                      | Đan Điền          | 2024-2025           | Đê bao dài 1.078,4m; kênh tiêu 748,6m và các công trình trên tuyến chống lũ tiêu mặn, lũ sớm cho 150ha lúa 02 vụ vùng từ biển 3 xã Phú - Vinh - Thọ           | 2298/QĐ-UBND ngày 29/9/2023                                           | 325.865                                                                                            | 105.576   | 220.289                                  | 78.772         | 108.913                                             | 32.604                                            | 320.549   | 105.786                                  | 214.763             | 182.159                                          | 32.604            | -5.316    | 210                                      | -5.526              | -5.526                                                                       | 0                                                                                                                                                  | 28.823                                                                  | 45.065  | 16.243                                           | Đang thực hiện              |
| 2                | Gia cố, nâng cấp kết hợp giao thông các tuyến đê bao nội đồng Tràm bom tiêu Bàu Bang, xã Quảng An                                        | Quảng Điền        | 2024-2025           | Đê bao bờ từ dài 326m; đê bao bờ hữu dài 473,5m và các công trình trên tuyến chống lũ tiêu mặn, lũ sớm cho 180ha lúa 02 vụ của HTX An Xuân                    | 2467/QĐ-UBND ngày 17/10/2023                                          | 5.835                                                                                              | 0         | 5.835                                    | 2.335          | 3.500                                               | 0                                                 | 5.835     | 5.835                                    | 5.835               | 5.835                                            | 0                 | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                  | 0                                                                       | 436     | 436                                              | Hoàn thành, chưa quyết toán |
| 3                | Gia cố, nâng cấp kết hợp giao thông các tuyến đê bao nội đồng các trạm bơm tiêu: Bạch Đằng và Phước Lý, xã Quảng Phước, huyện Quảng Điền | Quảng Điền        | 2022-2023           | Dài 1.801,4m và các công trình trên tuyến                                                                                                                     | 1801 ngày 20/7/2022                                                   | 14.985                                                                                             | 0         | 14.985                                   | 5.994          | 8.991                                               | 0                                                 | 14.985    | 14.985                                   | 14.985              | 14.985                                           | 0                 | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                  | 0                                                                       | 1.120   | 1.120                                            | Đã quyết toán               |
| 4                | Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải làng bản Văn Cù, xã Hương Toàn                                                                | Kim Trà           | 2023-2025           | Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải gồm 08 tuyến mương thoát nước thải tổng chiều dài 2,47km                                                           | 507/QĐ-UBND ngày 16/4/2024                                            | 2.650                                                                                              | 1.387     | 1.263                                    | 0              | 1.000                                               | 263                                               | 2.650     | 1.387                                    | 1.263               | 1.000                                            | 263               | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                  | 0                                                                       | 0       | 0                                                | Hoàn thành, chưa quyết toán |
| 5                | Trường mầm non Bình Thành (Hạng mục: khu hiệu bộ)                                                                                        | Bình Điền         | 2022-2024           | Khu hiệu bộ 2 tầng/395 m2                                                                                                                                     | 1476 ngày 30/9/2022                                                   | 4.889                                                                                              | 3.000     | 1.889                                    | 0              | 1.400                                               | 489                                               | 4.889     | 3.000                                    | 1.889               | 1.400                                            | 489               | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                  | 0                                                                       | 400     | 400                                              | Đã quyết toán               |
| 6                | Trường TH&THCS Lê Quang Bình (Hạng mục: khu hiệu bộ và 02 phòng học)                                                                     | Bình Điền         | 2022-2024           | Khu hiệu bộ 2 tầng/610 m2 và 2 phòng học/200 m2                                                                                                               | 1683/QĐ-UBND ngày 10/11/2022; 281/QĐ-UBND ngày 29/3/2023              | 7.556                                                                                              | 4.000     | 3.556                                    | 0              | 2.800                                               | 756                                               | 7.556     | 4.000                                    | 3.556               | 2.800                                            | 756               | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                  | 0                                                                       | 138     | 138                                              | Đã quyết toán               |
| 7                | Trường Tiểu học Hồng Tiến                                                                                                                | Bình Điền         | 2024-2025           | 04 phòng                                                                                                                                                      | 2276/QĐ-UBND ngày 17/11/2023                                          | 5.000                                                                                              | 0         | 5.000                                    | 0              | 4.500                                               | 500                                               | 5.000     | 0                                        | 5.000               | 4.500                                            | 500               | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                  | 0                                                                       | 150     | 150                                              | Hoàn thành, chưa quyết toán |
| 8                | Trường tiểu học số 1 Hương Toàn(Nhà 02 tầng 05 phòng học và 01 phòng bộ môn)                                                             | Kim Trà           | 2022-2025           | 05 phòng học và phòng chức năng                                                                                                                               | 1194/QĐ-UBND ngày 29/7/2022                                           | 6.500                                                                                              | 0         | 6.500                                    | 0              | 3.098                                               | 3.402                                             | 6.500     | 6.500                                    | 3.098               | 3.402                                            | 0                 | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                  | 0                                                                       | 0       | 0                                                | Đã quyết toán               |
| 9                | Nhà Văn hóa xã Bình Thành                                                                                                                | Bình Điền         | 2022-2025           | 200 chỗ ngồi, 386,23m2; san nền 1.417m2                                                                                                                       | 1190/QĐ-UBND ngày 29/7/2022; 279/QĐ-UBND ngày 29/3/2023               | 4.667                                                                                              | 3.000     | 1.667                                    | 0              | 1.200                                               | 467                                               | 4.667     | 3.000                                    | 1.667               | 1.200                                            | 467               | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                  | 0                                                                       | 200     | 200                                              | Đã quyết toán               |
| 10               | Trường Mầm non Bình Điền; Hạng mục: Khu hiệu bộ                                                                                          | Bình Điền         | 2022-2025           | Khu hiệu bộ 2 tầng; 378m2                                                                                                                                     | 1193/QĐ-UBND ngày 29/7/2022; 276/QĐ-UBND ngày 29/3/2023               | 4.883                                                                                              | 2.500     | 2.383                                    | 0              | 1.895                                               | 488                                               | 4.883     | 2.500                                    | 2.383               | 1.895                                            | 488               | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                  | 0                                                                       | 224     | 224                                              | Đã quyết toán               |
| 11               | Trường Tiểu học Bình Điền; Hạng mục: Khu hiệu bộ                                                                                         | Bình Điền         | 2022-2025           | Khu hiệu bộ 2 tầng; 544m2                                                                                                                                     | 1192/QĐ-UBND ngày 29/7/2022; 277/QĐ-UBND ngày 29/3/2023               | 5.222                                                                                              | 3.000     | 2.222                                    | 0              | 1.700                                               | 522                                               | 5.222     | 3.000                                    | 2.222               | 1.700                                            | 522               | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                  | 0                                                                       | 250     | 250                                              | Đã quyết toán               |
| 12               | Xây dựng chợ đầu mối Bình Điền                                                                                                           | Bình Điền         | 2022-2025           | 0,38 ha                                                                                                                                                       | 1195/QĐ-UBND ngày 29/7/2022; 278/QĐ-UBND ngày 29/3/2023               | 8.222                                                                                              | 0         | 8.222                                    | 0              | 7.400                                               | 822                                               | 8.222     | 8.222                                    | 7.400               | 822                                              | 0                 | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                  | 0                                                                       | 161     | 161                                              | Đã quyết toán               |
| 13               | Mở rộng đường liên xã đoạn qua xã Điền Môn                                                                                               | Phong Phú         | 2024-2025           | Dài 628m, nền đường 13,5m, mặt đường 7,5m, kết cấu bê tông nhựa và công trình trên tuyến                                                                      | 2389/QĐ-UBND ngày 27/7/2023                                           | 6.000                                                                                              | 3.000     | 3.000                                    | 500            | 0                                                   | 2.500                                             | 6.000     | 3.000                                    | 3.000               | 500                                              | 2.500             | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                  | 0                                                                       | 0       | 0                                                | Hoàn thành, chưa quyết toán |
| 14               | Mở rộng đường từ QL49B đến TL22, xã Điền Hòa                                                                                             | Phong Phú         | 2024-2025           | 1,1km, nền đường 6,0-8,0m, mặt đường 5,0-5,5m, kết cấu bê tông nhựa và công trình trên tuyến                                                                  | 2433/QĐ-UBND ngày 31/7/2023, QĐ 509 ngày 24/2/2025                    | 6.000                                                                                              | 3.000     | 3.000                                    | 500            | 0                                                   | 2.500                                             | 6.000     | 3.000                                    | 3.000               | 500                                              | 2.500             | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                  | 0                                                                       | 0       | 0                                                | Đang thực hiện              |
| 15               | Mở rộng đường trục xã Phong Hải (đoạn từ UBND xã đi Hải Phú)                                                                             | Phong Quảng       | 2024-2025           | 02 tuyến tổng chiều dài 686m, tuyến 01 nền đường 6,0m, mặt đường 5,0m; tuyến 02 nền đường 7,5m, mặt đường 5,5m, kết cấu bê tông nhựa và công trình trên tuyến | 2385/QĐ-UBND ngày 27/7/2023                                           | 4.000                                                                                              | 2.000     | 2.000                                    | 600            | 1.400                                               | 0                                                 | 4.000     | 2.000                                    | 2.000               | 2.000                                            | 0                 | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                  | 0                                                                       | 90      | 90                                               | Đã quyết toán               |
| 16               | Trường TH Đông Hiền                                                                                                                      | Phong Thái        | 2024-2025           | Xây mới nhà 2 tầng/02 phòng học/02 phòng chức năng/380m2                                                                                                      | 3006/QĐ-UBND ngày 26/9/2023                                           | 3.040                                                                                              | 900       | 2.140                                    | 0              | 1.100                                               | 1.040                                             | 3.040     | 900                                      | 2.140               | 1.100                                            | 1.040             | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                  | 0                                                                       | 0       | 0                                                | Hoàn thành, chưa quyết toán |
| 17               | Trường TH Điền Hải                                                                                                                       | Phong Quảng       | 2024-2025           | Xây mới nhà 2 tầng/04 PCN/406,02m2                                                                                                                            | 3554/QĐ-UBND ngày 14/11/2023                                          | 3.252                                                                                              | 1.300     | 1.952                                    | 0              | 1.450                                               | 502                                               | 3.252     | 1.300                                    | 1.952               | 1.450                                            | 502               | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                  | 0                                                                       | 0       | 0                                                | Hoàn thành, chưa quyết toán |
| 18               | Trường TH Phong Hòa 1                                                                                                                    | Phong Dinh        | 2024-2025           | Xây mới nhà 2 tầng/04 PCN/428,4m2                                                                                                                             | 3801/QĐ-UBND ngày 25/9/2023                                           | 3.497                                                                                              | 1.300     | 2.197                                    | 0              | 1.372                                               | 825                                               | 3.497     | 1.300                                    | 2.197               | 1.372                                            | 825               | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                  | 0                                                                       | 0       | 0                                                | Hoàn thành, chưa quyết toán |
| 19               | Trường MN Điền Hòa                                                                                                                       | Phong Phú         | 2024-2025           | Xây mới nhà 01 tầng/ 02 phòng học/285,5m2, san nền, sân đường nội bộ                                                                                          | 3555/QĐ-UBND ngày 14/11/2023                                          | 4.000                                                                                              | 2.000     | 2.000                                    | 0              | 2.000                                               | 0                                                 | 4.000     | 2.000                                    | 2.000               | 2.000                                            | 0                 | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                  | 0                                                                       | 617     | 617                                              | Hoàn thành, chưa quyết toán |
| 20               | Trường MN Phong Sơn 2                                                                                                                    | Phong Thái        | 2024-2025           | Xây mới nhà 2 tầng/04 phòng học/571m2                                                                                                                         | 3012/QĐ-UBND ngày 26/9/2023                                           | 4.299                                                                                              | 2.000     | 2.299                                    | 0              | 2.000                                               | 299                                               | 4.299     | 2.000                                    | 2.299               | 2.000                                            | 299               | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                  | 0                                                                       | 0       | 0                                                | Hoàn thành, chưa quyết toán |
| 21               | Trường TH & THCS Nguyễn Lộ Trạch                                                                                                         | Phong Phú         | 2024-2025           | Xây mới nhà 2 tầng/04 PCN/428,28m2                                                                                                                            | 2999/QĐ-UBND ngày 25/9/2023                                           | 3.397                                                                                              | 1.300     | 2.097                                    | 0              | 1.436                                               | 661                                               | 3.397     | 1.300                                    | 2.097               | 1.436                                            | 661               | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                  | 0                                                                       | 0       | 0                                                | Hoàn thành, chưa quyết toán |
| 22               | Chỉnh trang các tuyến đường đô thị thị trấn Phong Điền                                                                                   | Phong Điền        | 2024-2025           | Tuyến đường dài 700m, nền đường 5,5m, mặt đường 4m, kết cấu BTXM và công trình trên tuyến                                                                     | 3005/QĐ-UBND ngày 26/9/2023                                           | 2.000                                                                                              | 1.000     | 1.000                                    | 0              | 1.000                                               | 0                                                 | 2.000     | 1.000                                    | 1.000               | 1.000                                            | 0                 | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                  | 0                                                                       | 120     | 120                                              | Hoàn thành, chưa quyết toán |
| 23               | Mở rộng đường Đồng Du, thị trấn Phong Điền                                                                                               | Phong Điền        | 2024-2025           | Tuyến đường dài 1,90m, kết cấu mặt đường nhựa 7,5m, xây dựng vỉa hè 01 phía, công trình trên tuyến                                                            | 3013/QĐ-UBND ngày 26/9/2023                                           | 14.985                                                                                             | 7.284     | 7.701                                    | 0              | 3.716                                               | 3.985                                             | 14.985    | 7.284                                    | 7.701               | 3.716                                            | 3.985             | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                  | 0                                                                       | 0       | 0                                                | Đang thực hiện              |
| 24               | Đường đầu nối liên xã từ Điền Hòa đi Điền Lộc                                                                                            | Phong Phú         | 2023-2025           | 150m đường nhựa (3,0+7,5+3,0)-13,5m, xây dựng công hộp, kênh hoàn trả                                                                                         | 6375/QĐ-UBND ngày 12/12/2022                                          | 3.000                                                                                              | 1.500     | 1.500                                    | 500            | 1.000                                               | 0                                                 | 3.000     | 1.500                                    | 1.500               | 1.500                                            | 0                 | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                  | 0                                                                       | 253     | 253                                              | Đã quyết toán               |
| 25               | Xây dựng khu xử lý rác thải rắn huyện A Lưới, thôn Loah- Ta Vai, xã Đông Sơn                                                             | A Lưới 4          | 2023-2025           | 14,18 ha bao gồm khu nhà máy xử lý và hạ tầng kỹ thuật                                                                                                        | Số 1234 ngày 19/4/2023; số 258 ngày 06/02/2024, QĐ 1069 ngày 7/4/2023 | 20.998                                                                                             | 3.752     | 17.246                                   | 16.142         | 1.104                                               | 0                                                 | 20.998    | 3.752                                    | 17.246              | 17.246                                           | 0                 | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                  | 8.310                                                                   | 8.960   | 650                                              | Đang thực hiện              |

| STT | Danh mục dự án                                                                                        | Địa điểm xây dựng  | Thời gian thực hiện | Năng lực thiết kế                                                                                                                                                                                                                              | Số QĐ, ngày phê duyệt                                                                | Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 26/01/2024 của HĐND tỉnh |           |                                          |                |                                                               | Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh |           |                                          |                     |                                                            | Tăng (+)/Giảm (-) |           |                                          |                     |                                                            | Phản NSTP còn lại theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua đầu kỳ | Phản NSTP còn lại theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025; điều chỉnh thêm phần ngân sách huyện trước khi thực hiện sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp | Phản NSTP cần bổ sung thêm theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh | Ghi chú |                |                                |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------|------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------|-------------------|-----------|------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------|----------------|--------------------------------|
|     |                                                                                                       |                    |                     |                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                      | Tổng cộng                                                                                          | Trong đó: |                                          |                |                                                               | Tổng cộng                                         | Trong đó: |                                          |                     |                                                            | Tổng cộng         | Trong đó: |                                          |                     |                                                            |                                                                              |                                                                                                                                                     |                                                                         |         |                |                                |
|     |                                                                                                       |                    |                     |                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                      |                                                                                                    | NSTW      | NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác |                |                                                               |                                                   | NSTW      | NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác |                     |                                                            |                   | NSTW      | NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác |                     |                                                            |                                                                              |                                                                                                                                                     |                                                                         |         |                |                                |
|     |                                                                                                       |                    |                     |                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                      |                                                                                                    |           | Tổng cộng                                | Ngân sách tỉnh | Trong đó: Ngân sách huyện, nhân dân đóng góp và huy động khác |                                                   |           | Tổng cộng                                | Ngân sách thành phố | Trong đó: Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và huy động khác |                   |           | Tổng cộng                                | Ngân sách thành phố | Trong đó: Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và huy động khác |                                                                              |                                                                                                                                                     |                                                                         |         |                |                                |
|     |                                                                                                       |                    |                     |                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                      |                                                                                                    |           |                                          |                |                                                               |                                                   |           |                                          |                     |                                                            |                   |           |                                          |                     |                                                            |                                                                              |                                                                                                                                                     |                                                                         |         |                |                                |
| 26  | Xây dựng nghĩa trang nhân dân huyện A Lưới tại xã Hồng Thương                                         | A Lưới 3           | 2024-2025           | 10 tuyến đường dài 2,27km, kết cấu BTXM, nền đường từ 7,5-16m, mặt đường từ 5,5-11m; hệ thống thoát nước                                                                                                                                       | 1261/QĐ-UBND ngày 26/4/2024; QĐ 3464 ngày 19/12/2024                                 | 15.889                                                                                             | 1.367     | 14.522                                   | 12.733         | 1.789                                                         | 0                                                 | 15.889    | 1.367                                    | 14.522              | 14.522                                                     | 0                 | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 11.733                                                                                                                                              | 12.022                                                                  | 289     | Đang thực hiện |                                |
| 27  | Xây dựng cầu, đường thôn Hà Úc 1 đi các thôn An Bằng                                                  | Phù Vinh           | 2021-2022           | Cầu và đường dài 39,9m; đường BTXM 495,7m                                                                                                                                                                                                      | 1753/QĐ-UBND ngày 14/7/2022; 674/QĐ-UBND ngày 29/3/2023                              | 3.889                                                                                              | 1.140     | 2.749                                    | 826            | 767                                                           | 1.156                                             | 3.889     | 1.140                                    | 2.749               | 1.593                                                      | 1.156             | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                   | 0                                                                       | 0       | 0              | Đã quyết toán                  |
| 28  | Xây dựng trường mầm non Phú Thuận                                                                     | Thuận An           | 2021-2023           | 2 tầng gồm 3PCN, 1PH; 615m2                                                                                                                                                                                                                    | 1764/QĐ-UBND ngày 14/7/2022; 680/QĐ-UBND ngày 29/3/2023;                             | 5.556                                                                                              | 1.628     | 3.928                                    | 1.180          | 2.192                                                         | 556                                               | 5.556     | 1.628                                    | 3.928               | 3.372                                                      | 556               | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                   | 0                                                                       | 39      | 39             | Đã quyết toán                  |
| 29  | Xây dựng trường mầm non Phú Hải                                                                       | Thuận An           | 2021-2023           | 3PCN, 355m2                                                                                                                                                                                                                                    | 1765/QĐ-UBND ngày 14/7/2022; 681/QĐ-UBND ngày 29/3/2023;                             | 3.945                                                                                              | 1.156     | 2.789                                    | 839            | 1.555                                                         | 395                                               | 3.945     | 1.156                                    | 2.789               | 2.394                                                      | 395               | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                   | 0                                                                       | 138     | 138            | Đã quyết toán                  |
| 30  | Xây dựng Trường mầm non Vinh Thanh                                                                    | Phù Vinh           | 2021-2023           | 2 tầng gồm 2PCN, 2PH; 576m2                                                                                                                                                                                                                    | 1767/QĐ-UBND ngày 14/7/2022; 694/QĐ-UBND ngày 29/3/2023;                             | 5.556                                                                                              | 1.628     | 3.928                                    | 1.180          | 1.096                                                         | 1.652                                             | 5.556     | 1.628                                    | 3.928               | 2.276                                                      | 1.652             | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                   | 0                                                                       | 1       | 1              | Đã quyết toán                  |
| 31  | 02 phòng chức năng MN Phú Hồ                                                                          | Phú Hồ             | 2023-2024           | 02 Phòng chức năng                                                                                                                                                                                                                             | 3905/QĐ-UBND ngày 29/12/2022; 677/QĐ-UBND ngày 29/3/2023;                            | 2.778                                                                                              | 814       | 1.964                                    | 590            | 548                                                           | 826                                               | 2.778     | 814                                      | 1.964               | 1.138                                                      | 826               | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                   | 0                                                                       | 97      | 97             | Đã quyết toán                  |
| 32  | Đường liên xã ven phá Phú Xuân - Phú Đa                                                               | Phú Hồ             | 2024-2025           | Tuyến đường 1.298m; kết cấu mặt đường BTXM; nền đường 7m, mặt đường 5m và công trình trên tuyến                                                                                                                                                | 653/QĐ-UBND ngày 20/3/2025                                                           | 5.067                                                                                              | 1.380     | 3.687                                    | 1.180          | 1.000                                                         | 1.507                                             | 5.067     | 1.380                                    | 3.687               | 2.180                                                      | 1.507             | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                   | 1.180                                                                   | 1.180   | 0              | Đang thực hiện                 |
| 33  | Xây dựng khu văn hóa thể thao trung tâm xã Phú Hải                                                    | Thuận An           | 2024-2025           | Xây dựng sân bóng đá, đường nội bộ, hệ thống thoát nước, công bằng rào ...                                                                                                                                                                     | QĐ số 3342/QĐ-UBND ngày 11/12/2023                                                   | 3.889                                                                                              | 1.091     | 2.798                                    | 874            | 1.535                                                         | 389                                               | 3.889     | 1.091                                    | 2.798               | 2.409                                                      | 389               | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                   | 874                                                                     | 874     | 0              | Đang thực hiện                 |
| 34  | Hạ tầng các điểm tập kết chất thải nguy hại các xã thuộc huyện Phú Vang                               |                    | 2024-2025           | 09 điểm tập kết rác thải sinh hoạt kết hợp điểm tập kết chất thải nguy hại; 02 điểm tập kết chất thải nguy hại sau phân loại; sửa chữa trạm trung chuyển rác thải xã Phú Hải; 30 điểm tập kết bao gói thuộc bảo vệ thực vật các xã thuộc huyện | QĐ số 3345/QĐ-UBND ngày 11/12/2023                                                   | 2.200                                                                                              | 800       | 1.400                                    | 420            | 678                                                           | 302                                               | 2.200     | 800                                      | 1.400               | 1.098                                                      | 302               | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                   | 0                                                                       | 0       | 0              | Đã quyết toán                  |
| 35  | Hạ tầng xử lý nước thải các chợ Phú Hải, Phú Diên, Phú Gia, Phú Xuân, Vinh Thanh                      |                    | 2024-2025           | Hệ thống xử lý nước thải của chợ Phú Gia, Phú Diên 2, Phú Diễn 3                                                                                                                                                                               | QĐ số 3346/QĐ-UBND ngày 11/12/2023                                                   | 3.100                                                                                              | 1.107     | 1.993                                    | 581            | 1.130                                                         | 282                                               | 3.100     | 1.107                                    | 1.993               | 1.711                                                      | 282               | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                   | 0                                                                       | 145     | 145            | Đã quyết toán                  |
| 36  | San nền và xây dựng tường rào Trường THCS Lộc Bón                                                     | Hưng Lộc           | 2022-2024           | San nền 9.500m2; hàng rào 277m                                                                                                                                                                                                                 | 2382/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022; 3128/QĐ-UBND, ngày 07/10/2022                          | 4.172                                                                                              |           | 4.172                                    |                | 3.129                                                         | 1.043                                             | 4.172     |                                          | 4.172               | 3.129                                                      | 1.043             | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                   | 0                                                                       | 0       | 0              | Đang thực hiện                 |
| 37  | Trường THCS Lộc Tiến                                                                                  | Chân Mây - Lăng Cô | p                   | khu hiệu bộ/2 tầng, 469,5m2 và 4 PHM/2 tầng, 652,5m2                                                                                                                                                                                           | 2415/QĐ-UBND ngày 10/8/2022; 861/QĐ-UBND ngày 28/3/2023                              | 8.580                                                                                              | 3.685     | 4.895                                    | 3.092          | 945                                                           | 858                                               | 8.580     | 3.685                                    | 4.895               | 4.037                                                      | 858               | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                   | 0                                                                       | 189     | 189            | Đã quyết toán                  |
| 38  | Trường mầm non Lộc Bình                                                                               | Phú Lộc            | 2022-2023           | 2 tầng gồm nhà làm việc và PĐN; 355m2 và công trình phụ trợ                                                                                                                                                                                    | 1348/QĐ-UBND ngày 28/4/2021; 2914/QĐ-UBND ngày 14/9/2022; 868/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 | 4.143                                                                                              | 1.337     | 2.806                                    | 702            | 1.690                                                         | 414                                               | 4.143     | 1.337                                    | 2.806               | 2.392                                                      | 414               | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                   | 0                                                                       | 525     | 525            | Đã quyết toán                  |
| 39  | Trường mầm non Xuân Lộc                                                                               | Hưng Lộc           | 2022-2023           | 2 tầng gồm khu hiệu bộ và 4 PH; 507m2 và công trình phụ trợ                                                                                                                                                                                    | 4024/QĐ, ngày 11/12/2020; 2529/QĐ-UBND ngày 19/8/2022; 869/QĐ-UBND ngày 29/3/2023    | 11.673                                                                                             | 4.552     | 7.121                                    | 4.228          | 1.726                                                         | 1.167                                             | 11.673    | 4.552                                    | 7.121               | 5.954                                                      | 1.167             | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                   | 0                                                                       | 26      | 26             | Đã hoàn thành, đang quyết toán |
| 40  | Trường mầm non Lộc Thủy                                                                               | Chân Mây - Lăng Cô | 2022-2024           | 2 tầng gồm khu hiệu bộ và 4 PH; 575m2                                                                                                                                                                                                          | 2420/QĐ-UBND ngày 10/8/2022; 871/QĐ-UBND ngày 29/3/2023                              | 5.736                                                                                              | 2.384     | 3.352                                    | 2.000          | 776                                                           | 576                                               | 5.736     | 2.384                                    | 3.352               | 2.776                                                      | 576               | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                   | 0                                                                       | -179    | -179           | Đã quyết toán                  |
| 41  | Trường THCS Lộc An: Xây dựng nhà đa năng                                                              | Lộc An             | 2024-2025           |                                                                                                                                                                                                                                                | 2370/QĐ-UBND ngày 07/7/2023                                                          | 6.500                                                                                              |           | 6.500                                    |                | 5.525                                                         | 975                                               | 6.500     |                                          | 6.500               | 5.525                                                      | 975               | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                   | 0                                                                       | 1.349   | 1.349          | Đang thực hiện                 |
| 42  | Hạ tầng phát triển du lịch nông thôn: Đường giao thông bê tông ven phá, xã Lộc Bình (giai đoạn 2)     | Phú Lộc            | 2024-2025           | Tuyến đường dài 605,29m, kết cấu BTXM; mặt đường 3,5m, nền đường rộng 5m và công trình trên tuyến                                                                                                                                              | 4169/QĐ-UBND 29/11/2023                                                              | 4.850                                                                                              | 1.907     | 2.943                                    | 1.000          | 1.458                                                         | 485                                               | 4.850     | 1.907                                    | 2.943               | 2.458                                                      | 485               | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                   | 500                                                                     | 368     | -132           | Đang thực hiện                 |
| 43  | Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng Trường Tiểu học Hương Lộc, xã Hương Lộc và Trường Tiểu học Hương Hòa | Nam Đông, Khe Tre  | 2021-2022           | Cải tạo sân nền, bồn hoa, hàng mục phụ trợ khác                                                                                                                                                                                                | 374/QĐ-UBND 19/4/2021                                                                | 1.400                                                                                              |           | 1.400                                    | 1.250          | 150                                                           |                                                   | 1.400     |                                          | 1.400               | 1.400                                                      | 0                 | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                   | 0                                                                       | 22      | 22             | Đã quyết toán                  |
| 44  | Hạ tầng khu quy hoạch dân cư thôn 10, xã Hương Xuân                                                   | Nam Đông           | 2022-2024           | 4,12ha, đường dài 0,654km, BT nhựa, công trình phụ trợ                                                                                                                                                                                         | 263/QĐ-UBND 22/3/2021                                                                | 9.700                                                                                              |           | 9.700                                    | 2.150          | 7.550                                                         |                                                   | 9.700     |                                          | 9.700               | 9.700                                                      | 0                 | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                   | 0                                                                       | 756     | 756            | Đã hoàn thành, đang quyết toán |
| 45  | Trường THCS bán trú Long Quảng                                                                        | Long Quảng         | 2022-2023           | 2 tầng, 1 PH, 1 PCN, 306m2                                                                                                                                                                                                                     | 815/QĐ-UBND ngày 29/7/2022                                                           | 2.400                                                                                              | 1.680     | 720                                      | 350            | 370                                                           |                                                   | 2.400     | 1.680                                    | 720                 | 720                                                        | 0                 | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                   | 0                                                                       | 347     | 347            | Đã hoàn thành, đang quyết toán |
| 46  | Trường Tiểu học và THCS Kim Đồng                                                                      | Nam Đông           | 2022-2023           | 2 tầng, 4 PH, 518m2                                                                                                                                                                                                                            | 809/QĐ-UBND ngày 29/7/2022                                                           | 4.800                                                                                              | 3.360     | 1.440                                    | 700            | 740                                                           |                                                   | 4.800     | 3.360                                    | 1.440               | 1.440                                                      | 0                 | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                   | 0                                                                       | 560     | 560            | Đã quyết toán                  |
| 47  | Trường Mầm Non Hương Giang                                                                            | Nam Đông           | 2022-2023           | 1 PBV, 1 nhà kho; 40m2 và hàng mục phụ trợ                                                                                                                                                                                                     | 816/QĐ-UBND ngày 29/7/2022                                                           | 450                                                                                                | 100       | 350                                      | 100            | 250                                                           |                                                   | 450       | 100                                      | 350                 | 350                                                        | 0                 | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                   | 0                                                                       | 55      | 55             | Đã hoàn thành, đang quyết toán |
| 48  | Trường Mầm non Thượng Lộ                                                                              | Khe Tre            | 2022-2023           | Tường rào dài 51m, nhà kho 26m2 và phụ trợ                                                                                                                                                                                                     | 808/QĐ-UBND ngày 29/7/2022                                                           | 650                                                                                                | 250       | 400                                      | 200            | 200                                                           |                                                   | 650       | 250                                      | 400                 | 400                                                        | 0                 | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                   | 0                                                                       | 127     | 127            | Đã quyết toán                  |
| 49  | Trường Mầm non Hương Phú                                                                              | Khe Tre            | 2022-2023           | Cổng, tường rào dài 227m, nhà xe, nhà bảo vệ                                                                                                                                                                                                   | 813/QĐ-UBND ngày 29/7/2022                                                           | 1.500                                                                                              | 600       | 900                                      | 600            | 300                                                           |                                                   | 1.500     | 600                                      | 900                 | 900                                                        | 0                 | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                   | 0                                                                       | 196     | 196            | Đã quyết toán                  |
| 50  | Trường Tiểu học Hương Phú                                                                             | Khe Tre            | 2022-2023           | 2 tầng, 4 PH, 1 PCN, 453m2                                                                                                                                                                                                                     | 814/QĐ-UBND ngày 29/7/2022                                                           | 4.600                                                                                              | 3.220     | 1.380                                    | 700            | 680                                                           |                                                   | 4.600     | 3.220                                    | 1.380               | 1.380                                                      | 0                 | 0         | 0                                        | 0                   | 0                                                          | 0                                                                            | 0                                                                                                                                                   | 0                                                                       | 528     | 528            | Đã quyết toán                  |

| STT | Danh mục dự án                                                                                                       | Địa điểm xây dựng | Thời gian thực hiện | Năng lực thiết kế                                                                                                                                        | Số QĐ, ngày phê duyệt        | Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 26/01/2024 của HĐND tỉnh |           |                                          |                |                                                     |                                                  | Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh |           |                                          |                     |                                                  |           | Tăng (+)/Giảm (-) |           |                                          |                                                  |       |       | Phản NSTP còn lại theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua đầu kỳ | Phản NSTP còn lại theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025 thêm phần ngân sách huyện trước khi thực hiện sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp | Phản NSTP cần bổ sung thêm theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------|------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------|-----------|-------------------|-----------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------|-------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                      |                   |                     |                                                                                                                                                          |                              | Tổng cộng                                                                                          | Trong đó: |                                          |                |                                                     |                                                  | Tổng cộng                                         | Trong đó: |                                          |                     |                                                  |           | Tổng cộng         | Trong đó: |                                          |                                                  |       |       |                                                                              |                                                                                                                                         |                                                                         |         |
|     |                                                                                                                      |                   |                     |                                                                                                                                                          |                              |                                                                                                    | NSTW      | NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác |                |                                                     |                                                  |                                                   | NSTW      | NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác |                     |                                                  |           |                   | NSTW      | NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác |                                                  |       |       |                                                                              |                                                                                                                                         |                                                                         |         |
|     |                                                                                                                      |                   |                     |                                                                                                                                                          |                              |                                                                                                    |           | Tổng cộng                                | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện, nhân dân đóng góp và huy động khác | Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và huy động khác |                                                   |           | Tổng cộng                                | Ngân sách thành phố | Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và huy động khác | Tổng cộng |                   |           | Ngân sách thành phố                      | Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và huy động khác |       |       |                                                                              |                                                                                                                                         |                                                                         |         |
| 51  | Nâng cấp, mở rộng tuyến đường trung tâm xã Thượng Lộ, huyện Nam Đông                                                 | Nam Đông          | 2024-2025           | Nâng cấp tuyến đường dài 0,54km, nền đường 12m, mặt đường 6,5m; kết cấu bê tông nhựa và công trình trên tuyến                                            | 1614/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 | 7.300                                                                                              | 5.110     | 2.190                                    | 1.170          | 1.020                                               |                                                  | 7.300                                             | 5.110     | 2.190                                    | 2.190               | 0                                                | 0         | 0                 | 0         | 0                                        | 0                                                | 0     | 1.170 | 2.190                                                                        | 1.020                                                                                                                                   | Đang thực hiện                                                          |         |
| 52  | Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ đường Tỉnh lộ 14B đến Trường Tiểu học Thượng Quảng, xã Thượng Quảng, huyện Nam Đông | Long Quảng        | 2024-2025           | Nâng cấp tuyến đường dài 0,57km, nền đường 6,5m, mặt đường 5,5m; kết cấu bê tông nhựa và công trình trên tuyến                                           | 1615/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 | 2.700                                                                                              | 1.890     | 810                                      | 430            | 380                                                 |                                                  | 2.700                                             | 1.890     | 810                                      | 810                 | 0                                                | 0         | 0                 | 0         | 0                                        | 0                                                | 0     | 430   | 810                                                                          | 380                                                                                                                                     | Đã hoàn thành, chưa quyết toán                                          |         |
| 53  | Đường vào khu vực phát triển tiểu thủ công nghiệp, xã Hương Xuân, huyện Nam Đông                                     | Nam Đông          | 2024-2025           | Tuyến đường 755,36m; kết cấu mặt đường bê tông nhựa nóng; nền đường từ 9,5-16,5m, mặt đường từ 7,5-10,5m và công trình trên tuyến                        | 501/QĐ-UBND ngày 09/4/2024   | 7.500                                                                                              | 4.750     | 2.750                                    | 2.750          | -                                                   |                                                  | 7.500                                             | 4.750     | 2.750                                    | 2.750               | 0                                                | 0         | 0                 | 0         | 0                                        | 0                                                | 0     | 1.000 | 1.000                                                                        | 0                                                                                                                                       | Đang thực hiện                                                          |         |
| 54  | Nâng cấp tuyến đường từ Tỉnh lộ 14B đến trung tâm thôn 8 xã Hương Xuân                                               | Nam Đông          | 2024-2025           | Tuyến đường 822,9m; kết cấu mặt đường bê tông nhựa; mở rộng mặt đường thành 5,5m và công trình trên tuyến                                                | 404/QĐ-UBND ngày 26/3/2024   | 5.450                                                                                              | 3.704     | 1.746                                    |                | 1.746                                               |                                                  | 5.450                                             | 3.704     | 1.746                                    | 1.746               | 0                                                | 0         | 0                 | 0         | 0                                        | 0                                                | 0     | 0     | 746                                                                          | 746                                                                                                                                     | Đã hoàn thành, chưa quyết toán                                          |         |
| 55  | Hệ thống thoát nước tuyến đường khu trung tâm thôn 8, xã Hương Xuân                                                  | Nam Đông          | 2022-2023           | 0,272km, BTCT                                                                                                                                            | 42/QĐ-UBND 17/01/2022        | 1.200                                                                                              |           | 1.200                                    | 750            | 450                                                 |                                                  | 1.200                                             |           | 1.200                                    | 1.200               | 0                                                | 0         | 0                 | 0         | 0                                        | 0                                                | 0     | 0     | 0                                                                            | 0                                                                                                                                       | Đã quyết toán                                                           |         |
| 56  | Hệ thống thoát nước khu trung tâm xã Hương Lộc                                                                       | Khe Tre           | 2022-2023           | 0,251km, BTCT                                                                                                                                            | 43/QĐ-UBND 17/01/2022        | 850                                                                                                |           | 850                                      | 550            | 300                                                 |                                                  | 850                                               |           | 850                                      | 850                 | 0                                                | 0         | 0                 | 0         | 0                                        | 0                                                | 0     | 0     | 0                                                                            | 0                                                                                                                                       | Đã quyết toán                                                           |         |
| 57  | Nâng cấp chợ Nam Đông                                                                                                | Nam Đông          | 2024-2025           | Cải tạo đình chợ chính DT 647m <sup>2</sup> ; đình chợ phụ DT 303m <sup>2</sup> và hàng mục phụ trợ khác                                                 | 723/QĐ-UBND ngày 03/6/2024   | 1.980                                                                                              | 1.500     | 480                                      |                | 480                                                 |                                                  | 1.980                                             | 1.500     | 480                                      | 480                 | 0                                                | 0         | 0                 | 0         | 0                                        | 0                                                | 0     | 0     | 340                                                                          | 340                                                                                                                                     | Đang thực hiện                                                          |         |
| 58  | Hạ tầng phát triển du lịch nông thôn: Điểm du lịch cộng đồng thôn Dối, xã Thượng Lộ                                  | Khe Tre           | 2024-2025           | Nhà đón tiếp, nhà vệ sinh, bãi đỗ xe, sân đường nội bộ và hàng mục phụ trợ khác                                                                          | 744/QĐ-UBND ngày 06/6/2024   | 5.485                                                                                              | 1.214     | 4.271                                    | 2.850          | 1.421                                               |                                                  | 5.485                                             | 1.214     | 4.271                                    | 4.271               | 0                                                | 0         | 0                 | 0         | 0                                        | 0                                                | 0     | 1.000 | 2.421                                                                        | 1.421                                                                                                                                   | Đã hoàn thành, chưa quyết toán                                          |         |
| 59  | Phát triển sản phẩm rượu vang Bạch Mã hướng đến sản phẩm OCOP 5 sao (Hạ tầng vùng nguyên liệu phát triển cây Vă)     | Lộc An            | 2023-2025           | đường giao thông, điện chiếu sáng và nước sạch phục vụ cho 3ha vùng nguyên liệu tập trung và khoảng 100 hộ dân trong vùng để phát triển vùng nguyên liệu | 2871/QĐ-UBND ngày 09/9/2025  | 12.500                                                                                             | 5.000     | 7.500                                    | 2.625          | 4.875                                               |                                                  | 7.184                                             | 5.210     | 1.974                                    | 1.974               |                                                  | -5.316    | 210               | -5.526    | -5.526                                   | 0                                                | 2.625 | 1.974 | -651                                                                         | Đang thực hiện                                                                                                                          |                                                                         |         |
|     |                                                                                                                      |                   |                     |                                                                                                                                                          |                              |                                                                                                    |           |                                          |                |                                                     |                                                  |                                                   |           |                                          |                     |                                                  |           |                   |           |                                          |                                                  |       |       |                                                                              |                                                                                                                                         |                                                                         |         |